TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Vân Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1980. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm: 1981. Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 4, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Khánh T quen biết và về chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Quan, huyện Bình Long (cũ), tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013, từ năm 2014 thí bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau về nhiều vấn đề, anh Toàn không quan tâm đến vợ con, thường xuyên ăn nhậu. Khi mới phát sinh mâu thuẫn thì do con còn quá nhỏ nên chị H chịu đựng để cố gắng cho con một gia đình toàn vẹn. Đến nay chị H cảm thấy mình không thể chấp nhận được nữa nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 người con tên Nguyễn Hà Khánh N – sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Khánh H, sinh năm 2008.

Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N còn để anh T trực tiếp nuôi cháu H. Do mỗi người nuôi một người con chung nên chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết chọ chị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành thu thập được ý kiến của anh Toàn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H về việc ly hôn với anh Nguyễn Khánh T, giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Khánh T cư trú tại tổ 4, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị H tại bản tự khai ngày 02/5/2019 cùng lời khai tại biên bản hòa giải có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa thấy rằng: chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Quá trình chung sống, do anh T thường xuyên rượu chè, không lo lắng cho vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã diễn ra một thời gian dài. Chị H cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn tiếp tục được nữa nên đề nghị

Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh T lên làm việc nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án, chứng tỏ anh T không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, không thể hiện được việc anh T muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị H. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hà Khánh N – sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Khánh H, sinh năm 2008. Khi ly hôn, chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, anh T không có mặt tại Tòa án để thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con, cháu N và cháu H đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Hà Khánh N – sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Khánh H, sinh năm 2008.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nân không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cấn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Nguyễn Khánh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 15/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hà Khánh N – sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Khánh H, sinh năm 2008 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005367 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải